

Số: /BC-UBGSTCQG

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2018

## BÁO CÁO

### Tình hình kinh tế - tài chính tháng 02 và 2 tháng đầu năm 2018

(Tài liệu phục vụ phiên họp Chính phủ tháng 02/2018)

✓ **Kinh tế thế giới**

- Các nền kinh tế lớn tiếp tục ghi nhận những tín hiệu lạc quan trong 2 tháng đầu năm;
- Thị trường cổ phiếu toàn cầu giảm điểm mạnh do áp lực chốt lời và bán ra mạnh;
- Hầu hết các đồng tiền chủ chốt mất giá nhẹ so với USD.

✓ **Kinh tế Việt Nam**

- Tình hình sản xuất trong 2 tháng đầu năm tiếp tục diễn biến tích cực nhờ những giải pháp chỉ đạo điều hành của Chính phủ và tính chu kỳ của nền kinh tế;
- Lạm phát tăng nhẹ chủ yếu do tính mùa vụ trong dịp tết Nguyên đán;
- Thanh khoản của hệ thống ngân hàng kém dồi dào hơn do yếu tố mùa vụ;
- Lãi suất liên ngân hàng tăng trở lại trong khi lãi suất huy động ổn định;
- Tỷ giá USD/VND tăng nhẹ;
- Thị trường chứng khoán phục hồi sau khi giảm mạnh đầu tháng 2. Khối ngoại tiếp tục mua ròng ở mức cao.

# I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

## 1. Tình hình kinh tế thế giới

**Kinh tế Mỹ** có thêm những tín hiệu lạc quan. Lĩnh vực dịch vụ tăng trưởng năm thứ 8 liên tiếp nhờ số đơn hàng mới tăng mạnh. Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức thấp nhất trong vòng 17 năm (4,1%). Việc làm được đảm bảo và lương tăng đã góp phần giúp người Mỹ lạc quan hơn về triển vọng kinh tế nước này trong năm 2018.

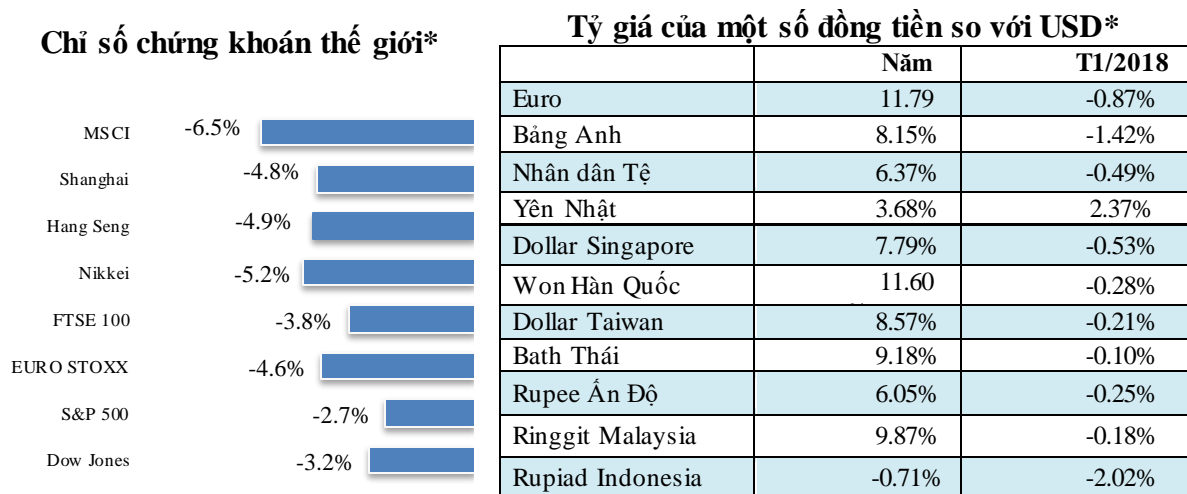
**Kinh tế Châu Âu** tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ. Mức độ tin cậy tăng lên ở hầu hết các lĩnh vực kinh tế. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực EU được duy trì ở mức thấp nhất trong vòng 9 năm qua (8,7%). Tuy nhiên, lạm phát của khu vực này vẫn ở mức thấp, giảm xuống còn 1,3% trong tháng 1/2018, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 2% của ECB.

**Kinh tế Nhật Bản**, cán cân thương mại thâm hụt khoảng 9,7 tỷ USD do nhập khẩu tăng mạnh hơn xuất khẩu trong bối cảnh giá hàng tiêu dùng gia tăng. Tuy nhiên, mức thâm hụt này vẫn thấp hơn dự báo và so với cùng kỳ. Chính phủ nước này kỳ vọng sự tăng trưởng của kinh tế thế giới sẽ góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu của Nhật Bản trong thời gian tới, từ đó tác động tích cực tới thị trường việc làm và thu nhập hộ gia đình, nhằm thúc đẩy nhu cầu nội địa.

**Kinh tế Trung Quốc** hoạt động xuất nhập khẩu tăng vượt dự báo trong tháng 1 song thặng dư thương mại của nước này chỉ đạt 20,34 tỷ USD, mức thấp nhất trong vòng 11 tháng qua. Trong khi đó, lạm phát giảm nhẹ trong tháng 1, ở mức 1,5% so với cùng kỳ. Mức lạm phát này phù hợp với dự báo của thị trường, song sự suy giảm của lạm phát sẽ ủng hộ quan điểm cho rằng nền kinh tế này đang dần mất đi đà tăng trưởng.

## 2. Thị trường tài chính toàn cầu

*Thị trường cổ phiếu toàn cầu giảm điểm mạnh do áp lực chốt lời và bán ra mạnh.* Trong tuần đầu tháng 2/2018, các thị trường chứng khoán lớn đều có mức giảm khoảng 10% so với đỉnh cuối tháng 1/2018, và hiện đang dần phục hồi.



(\*) Tính đến ngày 23/02/2018

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: (+): thể hiện đồng tiền đang tăng giá;  
(-): thể hiện đồng tiền đang giảm giá

Nguồn: Reuters

*Hầu hết các đồng tiền chủ chốt mất giá nhẹ so với USD. Chỉ số USD Index, tính đến 23/02/2018, đã tăng 1,37% giá trị so với đầu tháng. Đồng Bảng Anh có mức giảm mạnh nhất (1,42%) so với USD. Trong khi đó, đồng Yên Nhật vẫn tiếp tục lên giá mạnh so với USD (tăng 2,37% trong tháng 2).*

### **3. Động thái của các ngân hàng trung ương**

*Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) giữ nguyên mức lãi suất điều hành (1,25 – 1,5%) trong phiên họp gần nhất, song nhiều khả năng sẽ tiếp tục lộ trình tăng lãi suất trong năm 2018. FED nhận định rằng, cùng với triển vọng tăng trưởng vững chắc trong hoạt động kinh tế, lạm phát sẽ đạt mục tiêu 2% trong năm 2018. Do đó, FED sẽ tiếp tục nâng lãi suất khoảng 3 lần trong năm 2018.*

*Ngân hàng Trung ương Anh (BOE) được dự báo sẽ tăng lãi suất điều hành trong tháng 5/2018. Sức ép từ lạm phát và tiền lương khiến kỳ vọng của thị trường về việc điều chỉnh lãi suất tại Anh tăng cao. Trong khi đó, thống đốc BOE nhận định rằng những thay đổi trong chính sách tiền tệ sẽ phụ thuộc rất nhiều vào kết quả đàm phán Brexit.*

*Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tiếp tục thận trọng trong việc điều hành chính sách tiền tệ. ECB cho rằng việc xem xét điều chỉnh chính sách có thể bắt đầu vào nửa đầu năm 2018 nhưng cần tránh những thay đổi đột ngột và kiểm soát chặt chẽ sự tăng giá của đồng EUR. Do đó, ECB sẽ tiếp tục duy trì mức lãi suất 0% và có thể kéo dài cho tới khi kết thúc chương trình nới lỏng định lượng.*

*Ngân hàng Trung ương Nhật (BOJ) phát đi tín hiệu sẽ không can thiệp điều chỉnh tỷ giá dù đồng Yên Nhật đã tăng cao lên mức đỉnh của 15 tháng gần nhất. Đồng Yên mạnh sẽ khiến giá cả tăng chậm, khiến khả năng thắt chặt chính sách tiền tệ của BOJ khó xảy ra hơn.*

### **4. Giá hàng hóa**

*Giá dầu* sụt giảm mạnh về mức 62,21 USD/thùng (9/2) trong những ngày đầu tháng 2 vì động thái bán tháo của nhà đầu tư do lo ngại nguồn cung toàn cầu tăng. Tuy nhiên, sau khi Chính phủ Mỹ công bố tồn kho dầu thô của nước này bất ngờ giảm, giá dầu đã tăng trở lại mức 67,53 USD/thùng (27/2), tăng 8,55% so với thời điểm trước đó. Giới chuyên gia cho rằng, nếu tốc độ tăng trưởng cầu không theo kịp, tồn kho dầu thô có thể tăng trở lại gây áp lực lên giá dầu thế giới.

*Giá hàng hóa* đồng loạt tăng trong tháng 1, trong đó, giá năng lượng tăng 9,25% so với tháng trước, và tăng 23,37% so với cùng kỳ. Giá phi năng lượng có mức tăng 3,31% so với tháng trước, trong đó, giá kim loại tăng mạnh nhất với mức tăng 5,35%, tiếp đến là giá nguyên liệu thô (tăng 2,83%), giá nông sản (tăng 1,04%) và giá lương thực (tăng 0,44%).

## Bảng giá hàng hóa thế giới

	Năng lượng		Nông sản		Lương thực		Nguyên liệu thô		Kim loại	
	Tốc độ tăng, giảm %									
	So với tháng trước	So với cùng kỳ	So với tháng trước	So với cùng kỳ	So với tháng trước	So với cùng kỳ	So với tháng trước	So với cùng kỳ	So với tháng trước	So với cùng kỳ
<b>T1/2017</b>	0.73	70.12	2.24	9.49	2.26	11.71	2.45	6.84	1.22	34.71
<b>T2/2017</b>	0.73	68.28	0.11	8.32	-0.11	9.94	2.27	8.15	0.92	33.62
<b>T3/2017</b>	-5.91	37.85	-2.30	3.55	-2.42	5.06	-2.69	3.96	-1.82	23.75
<b>T4/2017</b>	2.76	31.05	-1.46	-0.68	-2.16	-0.11	0.24	0.85	-5.94	14.84
<b>T5/2017</b>	-4.17	13.40	1.36	-2.51	2.42	-2.11	0.12	0.48	-2.43	20.33
<b>T6/2017</b>	-6.07	1.51	-1.68	-6.70	-1.18	-7.08	-3.59	-2.42	-0.69	19.10
<b>T7/2017</b>	3.15	10.07	0.80	7.80	0.76	-3.44	0.50	0.12	5.16	18.74
<b>T8/2017</b>	4.33	12.85	-2.15	-5.05	-3.35	-5.49	0.12	0.50	8.22	27.70
<b>T9/2017</b>	5.38	17.90	1.39	-3.09	1.79	-2.67	1.36	1.99	1.35	31.69
<b>T10/2017</b>	3.36	11.15	-0.68	-2.68	-0.11	-1.94	-2.55	1.52	0.85	30.31
<b>T11/2017</b>	7.63	28.28	0.46	-2.78	0.88	-1.50	-0.25	-0.12	0.12	37.56
<b>T12/2017</b>	2.10	13.74	-0.80	-2.91	-0.87	-2.15	1.88	-0.37	0.72	32.65
<b>T1/2018</b>	9.25	23.37	1.04	-3.94	0.44	-3.99	2.83	0.00	5.35	27.12

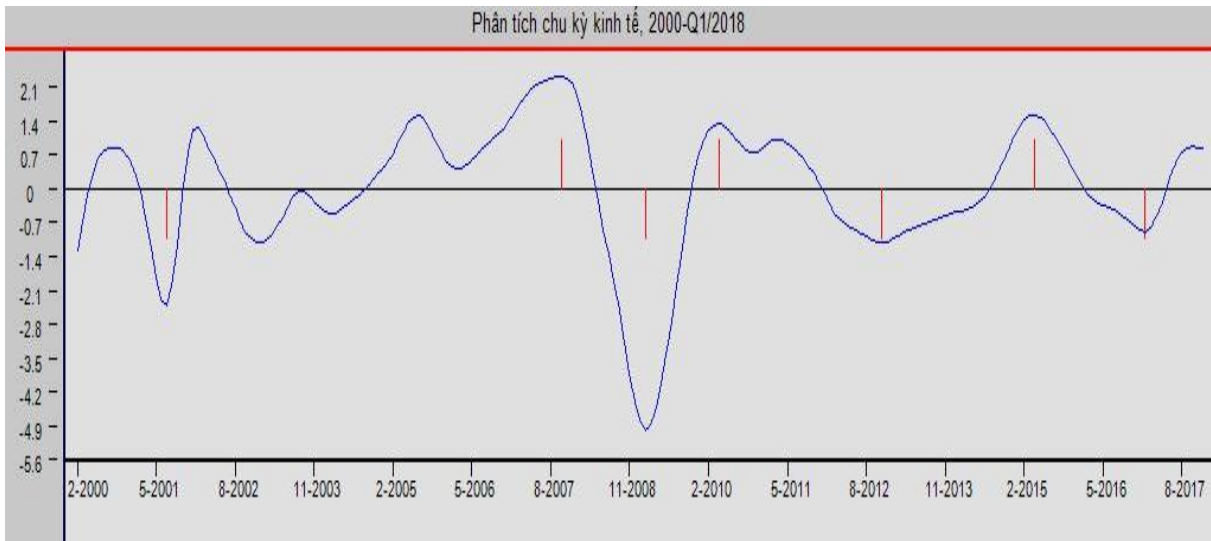
*Nguồn: The Pink Sheet – Worldbank*

## II. KINH TẾ VIỆT NAM

### 1. Hoạt động sản xuất của nền kinh tế

- *Hoạt động sản xuất 2 tháng đầu năm 2018 tiếp tục có những diễn biến tích cực nhờ những chỉ đạo điều hành quyết liệt của Chính phủ theo tinh thần Nghị quyết 01/NQ-CP. Mặt khác, tăng trưởng kinh tế cũng được hưởng lợi từ đà tăng trưởng của năm 2017 và tính chu kỳ của nền kinh tế. Tính toán cho thấy chu kỳ của nền kinh tế trong ngắn hạn đang tiếp tục xu hướng phục hồi từ quý 2/2017, báo hiệu xu hướng tăng trưởng khả quan của nền kinh tế trong năm 2018.*

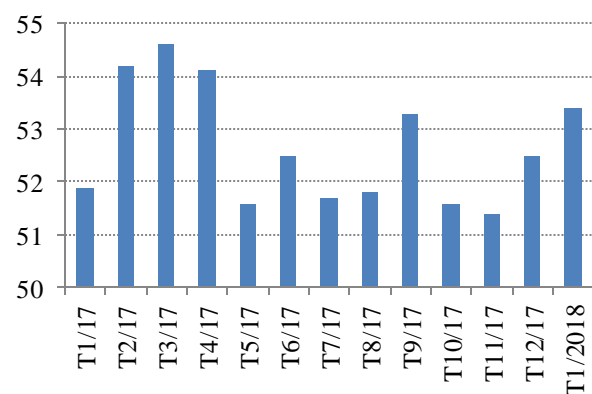
#### Phân tích chu kỳ kinh tế Việt Nam 2000-Q1/2018



*Nguồn: TCTK và tính toán của UBGSTCQG với phần mềm CASIS (OECD); Chú thích: số dùng phân tích là GDP hàng quý so với cùng kỳ năm trước (theo giá so sánh và loại trừ yếu tố mùa vụ).*

Bên cạnh đó, điều kiện sản xuất kinh doanh cũng đã có tháng thứ 26 liên tiếp được cải thiện. Chỉ số PMI<sup>1</sup> của ngành sản xuất 53,4 điểm trong tháng 01/2018, cao nhất trong 10 tháng. Một số điểm nổi bật tình hình lĩnh vực sản xuất trong thời gian qua: (i) PMI tăng nhờ sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm tăng; (ii) Hoạt động mua hàng cũng tăng nhanh hơn; (iii) Giá cả đầu vào và giá cả đầu ra tăng mạnh hơn.

#### Chỉ số PMI T1/2017-T1/2018



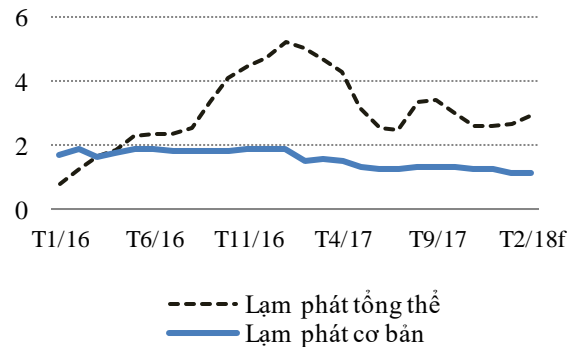
*Nguồn: Nikkei, IHS Markit*

<sup>1</sup> PMI là chỉ số phản ánh sự thay đổi về điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất tại Việt Nam do Markit Economics khảo sát và công bố. PMI trên 50 điểm phản ánh sự cải thiện, dưới 50 điểm phản ánh sự suy giảm, và mức 50 điểm phản ánh sự giữ nguyên của các điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất.

## 2. Lạm phát

Theo tính toán của UBGSTCQG dựa trên mô hình GARCH, lạm phát tháng 2/2018 tăng khoảng 3% so với cùng kỳ năm 2017, chủ yếu do tăng giá nhóm lương thực, thực phẩm và nhóm giao thông trong dịp Tết nguyên đán. Trong khi đó lạm phát cơ bản dự báo tiếp tục duy trì ở mức ổn định, ước tăng khoảng 1,2% so với cùng kỳ năm 2017.

**Lạm phát tổng thể và lạm phát cơ bản T1/2016-T2/2018 (% so với cùng kỳ)**

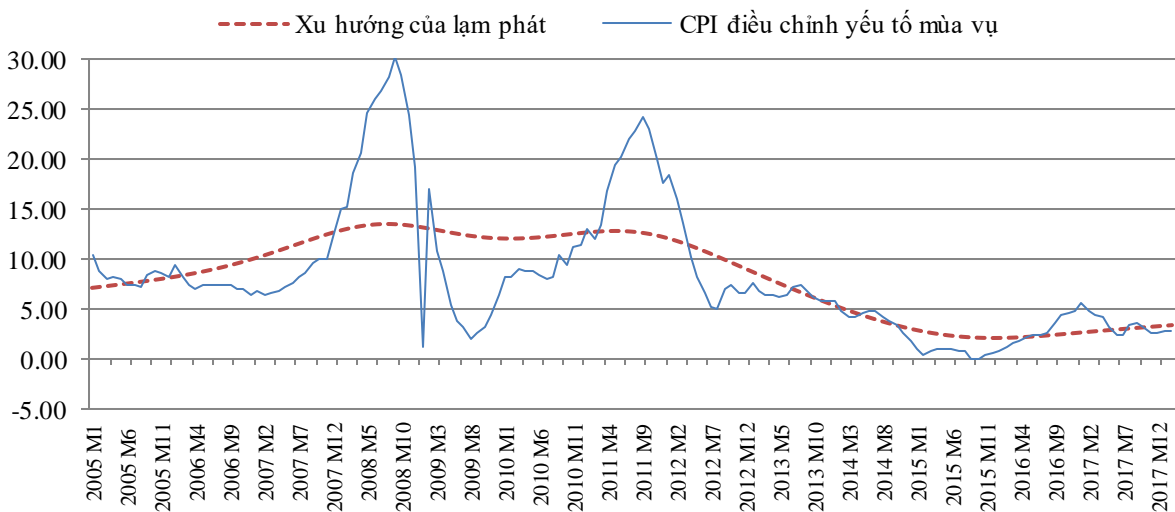


Nguồn: TCTK;

Chú thích: Số tháng 2/2018 là số dự báo của UBGSTCQG

Phân rã các thành phần của lạm phát cho thấy xu thế của lạm phát có chiều hướng tiếp tục tăng cao hơn khoảng 0,7 điểm% so với cùng kỳ năm trước, báo hiệu CPI năm 2018 sẽ có xu thế tăng cao hơn so với năm 2017 nếu lộ trình tăng giá dịch vụ công không được kiểm soát chặt chẽ.

**Phân rã lạm phát, tháng 01/2005-02/2018, % so cùng kỳ**



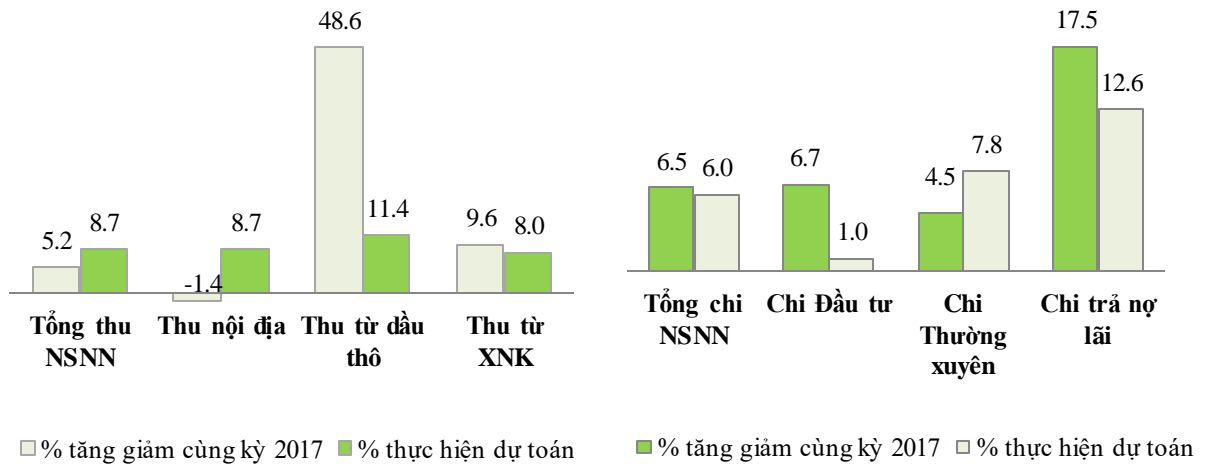
Nguồn: Tính toán của UBGSTCQG

## 3. Tình hình thực hiện ngân sách nhà nước

Những tháng đầu năm 2018, hoạt động thu – chi NSNN về cơ bản diễn biến ổn định. Tính đến 31/01/2018, tổng thu NSNN ước đạt 114.200 tỷ đồng, đạt 8,7% dự toán, tăng 5,2% so với cùng kỳ 2017. Trong đó, thu từ dầu thô đóng góp khá tích cực với mức tăng 48,6% so cùng kỳ, đạt 11,4% dự toán (cùng kỳ 2017 đạt 5,4% dự toán) do giá dầu thô phục hồi mạnh mẽ với mức tăng 16 USD/thùng so với dự toán. Ở chiều ngược lại, việc phân bổ và giao vốn cho các đơn vị sử dụng ngân sách cũng đã được khẩn trương thực hiện. Tổng chi NSNN ước đạt 91.500 tỷ đồng, bằng 6% dự toán (cùng kỳ 2017

bằng 6,3%). Bội chi NSNN tính đến hết tháng 1/2018 ở mức -22.690 tỷ đồng (thấp hơn mức -10.150 tỷ đồng cùng kỳ 2017) và dự báo sẽ tiếp tục cải thiện trong năm 2018 do thu NSNN có khả năng vượt dự toán và chi ngân sách sẽ khắc phục được tình trạng giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản và vốn TPCP chậm của hai năm trước.

**Tình hình thu chi NSNN lũy kế đến 31/01/2018, %**



Nguồn: BTC, UBGSTCQG tổng hợp

### III. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

#### 1. Hệ thống tổ chức tín dụng

- **Về tín dụng và huy động vốn của hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD):**

**Tăng trưởng tín dụng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017 nhưng cao hơn so với các năm từ 2016 trở về trước.** Tháng 1/2018, tổng tín dụng (bao gồm cả cho vay khách hàng và đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp) tăng khoảng 0,9% so với cuối năm 2017 (cùng kỳ năm 2017 tăng 1,6%, năm 2016 tăng 0,8%). Tháng 2/2018, tín dụng ước tăng khoảng 1% với cuối năm 2017.

**Cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn, tỷ trọng tín dụng trung dài hạn tiếp tục giảm.** Tín dụng trung dài hạn chiếm 53,0% tổng tín dụng (cùng kỳ tháng 1/2017 chiếm 55,2%). Tín dụng ngắn hạn chiếm 47,0% tổng tín dụng (cùng kỳ tháng 1/2017 chiếm 44,9%).

**Cơ cấu tín dụng theo loại tiền, tỷ trọng tín dụng bằng ngoại tệ giảm.** Tín dụng bằng VND chiếm 92,0% tổng tín dụng (cùng kỳ tháng 1/2017 chiếm 91,6%). Tín dụng ngoại tệ chiếm 8,0% tổng tín dụng (cùng kỳ tháng 1/2017 chiếm 8,4%).

**Cơ cấu tín dụng theo ngành kinh tế trong tháng 1/2018 ít biến động so với cuối năm 2017.** Trong đó, cho vay ngành công nghiệp, xây dựng chiếm khoảng 22,1%; Cho vay đối với hoạt động làm thuê, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình chiếm 16,5%; Cho vay ngành nông lâm thủy sản chiếm khoảng 8,0%. Cho vay kinh doanh bất động sản và xây dựng khoảng 16,1%. Cho vay tiêu dùng chiếm khoảng 18,3%.

**Tỷ lệ nợ xấu theo báo cáo vào khoảng 2,5%.** Tuy nhiên, nợ xấu vẫn tập trung cao ở các TCTD yếu kém, trong diện tái cơ cấu. Nợ xấu tiềm ẩn trong tất cả các khoản

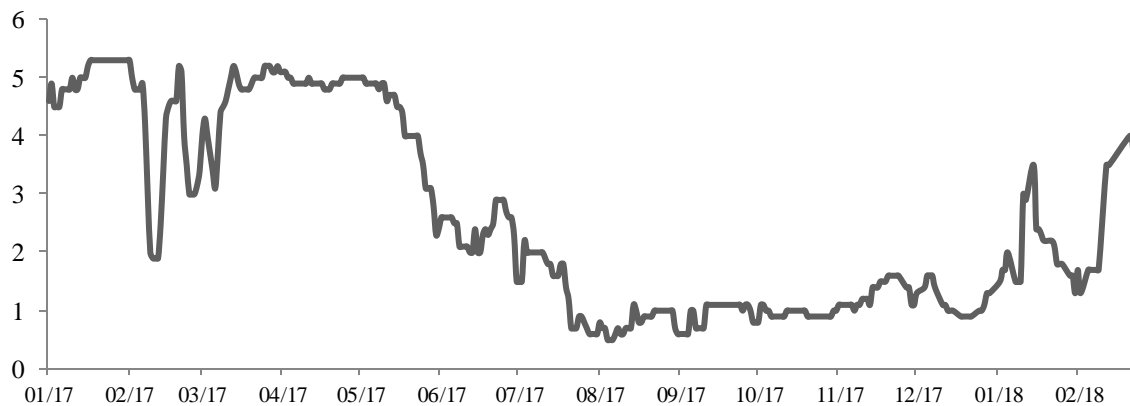
nợ cơ cấu lại, TPDN, và các khoản phải thu bên ngoài. Ngoài ra, một số TCTD đã mua lại nợ xấu bán cho VAMC để tự xử lý.

**Vốn huy động từ tổ chức kinh tế và cá nhân tăng ngay từ tháng 1/2018.** Cụ thể vốn huy động tăng 0,5% so với cuối năm 2017 (cùng kỳ tháng 1/năm 2016 và năm 2017 đều giảm lần lượt là 0,8% và 1,3%). Trong đó, vốn huy động bằng VNĐ tăng 0,6%, chiếm 90,3% tổng vốn huy động; vốn huy động bằng ngoại tệ giảm 0,3%, chiếm 9,7% tổng vốn huy động.

- **Về thanh khoản của hệ thống TCTD:**

*Thanh khoản của hệ thống ngân hàng dồi dào hơn do yếu tố mùa vụ vào dịp Tết Nguyên đán.* Biểu hiện là lãi suất liên ngân hàng tăng trở lại. Tỷ lệ tín dụng so với huy động vốn tăng từ 85,5% năm 2016 lên khoảng 88% vào cuối tháng 2/2017. Tuy nhiên, thanh khoản toàn hệ thống vẫn được hỗ trợ rất lớn từ việc NHNN mua lượng lớn ngoại tệ và cung ứng ròng khoảng 70 nghìn tỷ đồng trong 2 tháng đầu năm 2018.

**Lãi suất O/N trên thị trường liên ngân hàng (%)**



*Nguồn: HSC*

- **Về mặt bằng lãi suất:**

- *Lãi suất liên ngân hàng tăng trở lại.* Tính đến cuối tháng 2<sup>2</sup>, lãi suất cho vay qua đêm ở mức 3,3 % (tăng khoảng 2 điểm % so với cuối tháng 1/2018 và tăng 2,1 điểm % so với cuối năm 2016) chủ yếu do yếu tố mùa vụ vào dịp Tết Nguyên đán.

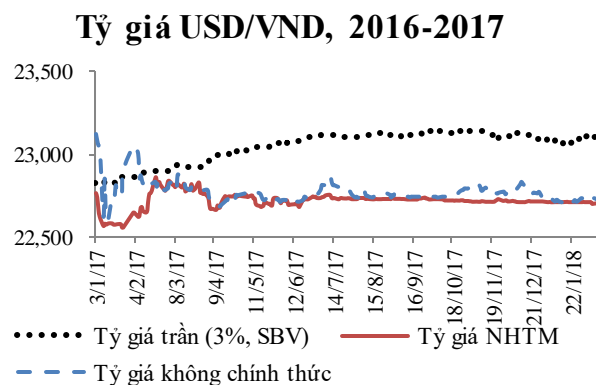
- *Lãi suất trên thị trường 1.* Lãi suất huy động bình quân tương đối ổn định. Lãi suất huy động VNĐ bình quân kỳ hạn trên 12 tháng ở mức khoảng 6,55% (tăng 0,03 điểm % so với cuối năm 2017) và phổ biến ở mức 6,5-7,3%. Về lãi suất cho vay, mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến đối với các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6-6,5%/năm đối với ngắn hạn, ở mức 9-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3-11%/năm đối với trung và dài hạn.

<sup>2</sup> Ngày 23/2/2018



## 2. Thị trường ngoại hối

Tỷ giá USD/VND tăng nhẹ. Tính đến cuối tháng 02/2018, tỷ giá trung tâm tăng 0,13% so với cuối năm 2017. Tỷ giá NHTM tăng khoảng 0,12%, tỷ giá thị trường tự do tăng khoảng 0,22%. Nguyên nhân chủ yếu khiến tỷ giá tăng nhẹ là do đồng Đô la Mỹ phục hồi trong tháng 2.



Nguồn: HSC

Tỷ giá năm 2018 dự báo sẽ tiếp tục được hỗ trợ bởi: (i) Cán cân thương mại có khả năng tiếp tục thặng dư. Tính đến 15/2/2018, cán cân thương mại thặng dư 1,6 tỷ USD so với đầu năm; (ii) Đồng USD được dự báo sẽ tiếp tục mất giá trong năm 2018; (iii) Triển vọng về nguồn vốn gián tiếp (FII) vào Việt Nam thông qua thị trường chứng khoán là rất tích cực. Do đó, tỷ giá USD/VND trong năm 2018 tăng nhẹ ở mức 1,5 – 2% sẽ tiếp tục tạo ra lợi thế cạnh tranh cho hàng xuất khẩu của Việt Nam.

## 3. Thị trường chứng khoán

### 3.1. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán Việt Nam hồi phục sau khi giảm mạnh đầu tháng 2. Chỉ số VN Index giảm mạnh từ ngày 1/2 tới ngày 9/2 do tác động từ thị trường chứng khoán Mỹ suy giảm trước lo ngại cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) có thể đẩy nhanh quá trình tăng lãi suất. Đến cuối tháng 2, chỉ số VN Index đã hồi phục trở lại mức 1.100 điểm do các yếu tố cơ bản của kinh tế vĩ mô trong nước và doanh nghiệp niêm yết vẫn ổn định.

Tuy vậy, mức tăng trưởng của thị trường chứng khoán năm 2017 và đầu năm 2018 là nhanh và tiềm ẩn rủi ro. Tốc độ tăng giá cổ phiếu (48% trong năm 2017) cao hơn tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của doanh nghiệp niêm yết (khoảng 26%), giá một số cổ phiếu vốn hóa lớn tăng nóng. Quy mô cho vay đầu tư, kinh doanh chứng khoán còn chưa được giám sát đầy đủ.

Do đó, để đảm bảo cho thị trường cổ phiếu tăng trưởng bền vững, hạn chế những tác động từ bên ngoài và rủi ro nội tại, UBCKNN cần phối hợp với Ngân hàng Nhà nước giám sát chặt chẽ việc cho vay đầu tư chứng khoán và cho vay ký quỹ chứng khoán.

Để tăng nguồn cung cho thị trường và thu hút nhà đầu tư nước ngoài, cần tiếp tục thúc đẩy cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp lớn cần có lộ trình IPO sớm để tận dụng cơ hội thị trường chứng khoán đang thuận lợi, tránh tập trung dồn dập vào cuối giai đoạn 2019-2020.

### 3.2. Thị trường trái phiếu Chính phủ

Huy động vốn trái phiếu Chính phủ (TPCP) đến 26/2 đạt 21 nghìn 130 tỷ đồng, hoàn thành 47% kế hoạch phát hành trong quý I/2018. Lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ giảm từ 0,5%/năm đến 1,25%/năm so với cuối năm 2017.

### **3.3. Dòng vốn nước ngoài**

*Từ đầu năm 2018, mua ròng của khối ngoại trên thị trường chứng khoán chính thức ở mức cao, đạt xấp xỉ 573 triệu USD (trong đó 542 triệu USD cổ phiếu và 31 triệu USD trái phiếu). Trong tháng 2, khối ngoại tiếp tục mua ròng 151 triệu USD trong đó mua ròng 154 triệu USD cổ phiếu và bán ròng 3 triệu USD trái phiếu.*

Nhìn chung, triển vọng dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài trong năm 2018 tích cực do các yếu tố vĩ mô như tỷ giá, lạm phát của Việt Nam ổn định, tăng trưởng kinh tế năm 2018 có thể vượt mức 6,8% và Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) dự kiến sẽ được ký kết vào đầu tháng 3/2018.

**ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA**